

SỰ RA ĐỜI CỦA BẢN HIẾN PHÁP ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM VÀ INDONESIA TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG*

Tóm tắt: Việt Nam và Indonesia là hai quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, có những đặc trưng riêng về địa lý, dân cư, văn hoá... Nhưng trong sự đa dạng, hai quốc gia vẫn có điểm tương đồng. Thế kỷ XIX, trước sự tấn công của tư bản phương Tây, Indonesia trở thành thuộc địa của thực dân Hà Lan và Việt Nam là thuộc địa của thực dân Pháp. Trong sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, cả Việt Nam và Indonesia đã giành lại nền độc lập vào năm 1945. Gắn liền với nó là sự ra đời những bản Hiến pháp đầu tiên của hai quốc gia. Hiến pháp của Indonesia ra đời năm 1945, Hiến pháp của Việt Nam xuất hiện năm 1946. Dù ra đời ở thời điểm gần nhau gắn với bối cảnh lịch sử tương đồng, nhưng do nhiều yếu tố tác động, nội dung và tính dân chủ của hai bản Hiến pháp có sự khác biệt.

Từ khóa: Việt Nam, Indonesia, Hiến pháp, góc nhìn lịch sử

Mở đầu

Tại Đông Nam Á, các quốc gia dân tộc hình thành từ rất sớm, hầu hết trải qua thời kỳ dài dưới chế độ quân chủ chuyên chế. Vào thế kỷ XVI, người châu Âu lần đầu tiên xuất hiện ở khu vực này thông qua các hoạt động buôn bán, sau đó là dùng vũ lực tấn công xâm chiếm. Khi quá trình thực dân hoá ở các nước phương Tây diễn ra với tốc độ mạnh mẽ, đến giữa thế kỷ XIX người châu Âu đẩy mạnh quá trình viễn chinh xâm chiếm các nước và nhanh chóng biến các quốc gia ở nhiều khu vực, trong đó có Đông Nam Á trở thành thuộc địa. Tính đến thời điểm đó, tại các quốc gia Đông Nam Á chưa có một bản Hiến pháp

theo đúng nghĩa của nó. Phải bước sang thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của nhiều luồng tư tưởng mới, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, các nước ở Đông Nam Á giành được độc lập, các nhà nước tuyên bố thành lập, nhiều bản Hiến pháp được ra đời. Trong số đó, sự xuất hiện bản Hiến pháp đầu tiên ở Việt Nam và Indonesia diễn ra trong thời điểm lịch sử khá giống nhau.

1. Bối cảnh ra đời của Hiến pháp Việt Nam và Hiến pháp Indonesia

Cùng nằm ở khu vực Đông Nam Á, trong tiến trình lịch sử của hai quốc gia, đặc biệt giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX đến

* TS. Nguyễn Thị Lan Phương, Trường Đại học Thương mại

đầu thế kỷ XX, Việt Nam và Indonesia có nhiều điểm khá tương đồng. Sự ra đời bản Hiến pháp đầu tiên của hai quốc gia có thể lý giải từ sự tương đồng đó.

Vào thế kỷ XVI, người Indonesia bắt đầu tiếp xúc với người châu Âu: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh. Năm 1602, người Hà Lan thành lập Công ty Đông Ấn, phát triển hoạt động buôn bán sang Đông Nam Á, tiến vào đảo Java (Indonesia) và dần hoàn thành công cuộc thiết lập chế độ thuộc địa ở Indonesia.

Giữa thế kỷ XIX, sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền là nguyên nhân thúc đẩy các nước thực dân phương Tây đẩy mạnh các cuộc viễn chinh đi xâm chiếm thuộc địa ở khu vực châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh. Tại Đông Nam Á, tính đến cuối thế kỷ XIX, hầu hết các nước thuộc khu vực (trừ Thái Lan) đều bị các nước tư bản châu Âu đặt ách thống trị. Tháng 9/1858, thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, biến Việt Nam từ một quốc gia phong kiến trở thành thuộc địa nửa phong kiến. Chính trong quá trình bị thực dân thống trị, thế giới đã chứng kiến sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc ở các khu vực thuộc địa. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á diễn ra quyết liệt và lan rộng theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Trong thập niên 20, 30 của thế kỷ XX, nhiều nước xuất hiện phong trào yêu nước theo xu hướng dân chủ tư sản và vô sản.

Từ năm 1929 đến năm 1933, các nước tư bản rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị sâu sắc. Từ đó, chủ nghĩa phát xít ra đời và chuẩn bị châm ngòi cho cuộc chiến tranh thế giới. Năm 1939 chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, các nước tư

bản phương Tây và thuộc địa của họ phải đối mặt với cuộc tấn công của phe phát xít. Năm 1940, Hà Lan và Pháp đều bị phát xít Đức đánh chiếm. Thuộc địa của Hà Lan và Pháp ở khu vực Đông Nam Á bị phát xít Nhật tiến đánh. Cụ thể, nhận rõ vị trí quan trọng của Đông Dương trong kế hoạch xâm lược Đông Nam Á, Nhật Bản tìm cách biến Đông Dương thành hậu cứ căn cứ quân sự của mình. Nằm ở bán đảo Đông Dương, Việt Nam bị quân Nhật tấn công sớm nhất. Tháng 9/1940, khi Nhật đánh chiếm Lạng Sơn, thực dân Pháp phải chấp nhận cho phát xít Nhật cùng cai trị Đông Dương. Nhưng với sự kiện Nhật đảo chính Pháp diễn ra ngày 9/3/1945 đã chính thức xác lập quyền thống trị hoàn toàn của Nhật ở Việt Nam.

Từ tháng 12/1941 đến tháng 3/1942, Nhật Bản phát động cuộc tấn công toàn diện vào Đông Nam Á và tiến hành một loạt hoạt động quân sự đánh chiếm Indonesia. Ngày 9/3/1942, chính quyền thuộc địa Hà Lan ở Indonesia ra lệnh quân đội hạ vũ khí đầu hàng phát xít Nhật, mở đầu giai đoạn Indonesia bị Nhật Bản chiếm đóng.

Việt Nam, Indonesia cùng nhiều nước trong khu vực bước vào thời kỳ đấu tranh chống lại sự xâm lược và chống lại trật tự do phát xít Nhật thiết lập. Năm 1945 với diễn biến mới trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á xuất hiện thời cơ “có một không hai”. Ngày 6/8/1945, Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hiroshima của Nhật. Đến ngày 14/8, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh. Ngày 15/8, Mỹ lại tiếp tục ném quả bom nguyên tử thứ hai xuống Nhật Bản. Tận dụng thời cơ này, các nhà lãnh đạo

cách mạng ở Indonesia và Việt Nam đã tiến hành thành công cuộc đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc.

Ngay sau khi Nhật đầu hàng, ngày 17/8/1945 Indonesia tuyên bố độc lập. Trước đông đảo quần chúng ở thủ đô Jakarta, Sukarno đọc bản Tuyên ngôn độc lập, nước Cộng hòa Indonesia ra đời. Ngay sau đó, ngày 18/8/1945, Hiến pháp đầu tiên của đất nước đã được thông qua trong phiên họp của nhà nước Indonesia.

Tại Việt Nam, khi Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp (từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945) và chủ trương tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Trong 15 ngày từ 13 - 28/8/1945, nhân dân Việt Nam giành thắng lợi to lớn. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn tuyên bố đất nước độc lập và thành lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng ngay sau đó, ngày 3/9, tại phiên họp đầu tiên của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu những việc cấp bách cần làm, trong đó có việc thành lập Ban Dự thảo Hiến pháp và soạn thảo ra bản Hiến pháp của đất nước. Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946, tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội, bản Hiến pháp của Việt Nam được thảo luận và thông qua vào ngày 9/11/1946.

Như vậy, sự ra đời của Hiến pháp năm 1945 của Indonesia và Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam gắn liền với công cuộc giải phóng dân tộc, gắn liền với sự sụp đổ nền đô hộ của thực dân, phát xít đã tồn tại lâu dài tại hai quốc gia.

2. Công tác soạn thảo Hiến pháp

Công tác soạn thảo Hiến pháp cho Indonesia được tiến hành từ cuối tháng 5

đến tháng 8/1945. Thời gian soạn thảo không nhiều vì khi đó chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quân đồng minh và quân đội Hà Lan đang tích cực tìm cách quay trở lại Indonesia. Chính quyền Nhật tại Indonesia phải nhanh chóng thực hiện kế hoạch chuyển giao quyền lực cho lực lượng cách mạng. Ngay sau khi Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima, ngày 7/8/1945, Nhật Bản cho phép lãnh đạo người địa phương thành lập Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indonesia gồm 27 thành viên. Ngày 15/8, Nhật Bản bị Mỹ ném quả bom nguyên tử thứ hai. Ngày 17/8/1945, Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indonesia tuyên bố Indonesia độc lập. Tình thế gấp gáp khiến Ủy ban soạn thảo không có đủ thời gian xây dựng bản Hiến pháp chi tiết. Ngày 18/8/1945, Hiến pháp đầu tiên của đất nước đã được 27 thành viên trong Ủy ban chuẩn bị độc lập của Indonesia thông qua⁽¹⁾. Hiến pháp Indonesia ra đời khẩn trương nhằm nhanh chóng khẳng định quyền độc lập trước sức ép quay trở lại chiếm đóng của thực dân Hà Lan.

Tại Việt Nam, sau khi đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” vào ngày 02/9/1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định việc xây dựng một bản hiến pháp dân chủ là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ. Người nói: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ⁽²⁾”. Ngày 20/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 34-SL về thành lập Ủy ban dự thảo hiến pháp gồm

7 thành viên. Ủy ban đã có sự tham khảo Hiến pháp của một số nước Âu - Mỹ, căn cứ tình hình thực tiễn của đất nước để soạn thảo nội dung. Tháng 11/1945, Bản Dự thảo Hiến pháp đã trình lên Chính phủ.

Sau thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên 6/1/1946, vào ngày 2/3/1946, tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội Khóa I - trên cơ sở Ban Dự thảo Hiến pháp của Chính phủ thành lập năm 1945, Quốc hội đã thành lập *Ban dự thảo Hiến pháp* gồm 11 người, đại diện cho nhiều tổ chức, đảng phái khác nhau. Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I, ngày 29/10/1946, Quốc hội quyết định đưa thêm 10 người đại diện cho các nhóm tham gia vào *Tiểu ban dự thảo Hiến pháp* để tu bổ và hoàn chỉnh bản Dự thảo Hiến pháp. Từ ngày 2/11 đến 8/11/1946, Quốc hội đã thảo luận và ngày 9/11/1946 thông qua bản Hiến pháp đầu tiên với 240 phiếu thuận, 2 phiếu chống. Hiến pháp được thông qua đã đánh dấu sự chấm dứt của nền thống trị ngoại bang, tuyên bố nước Việt Nam độc lập từ Bắc đến Nam, theo chế độ dân chủ nhân dân, quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; các quyền tự do dân chủ được đảm bảo.

Mặc dù lực lượng Việt Minh giành sự thắng thế trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng khi soạn thảo ra bản Hiến pháp đầu tiên, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản Hiến pháp năm 1946 có đóng góp của những nhân sĩ yêu nước không cộng sản. Trong đó có nhiều người được đào tạo bài bản trên lĩnh vực luật học, họ là những người được đào tạo dưới thời thực dân Pháp cai trị Việt Nam, chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng lập hiến dân chủ tư sản.

Khác với Hiến pháp Indonesia năm 1945, bản Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam có quá trình chuẩn bị khá kỹ lưỡng, qua rất nhiều Ban Dự thảo, có sự tham gia trí tuệ, tâm huyết xây dựng nền dân chủ của nhiều nhà trí thức, nhà luật học.

3. Nội dung của hai bản Hiến pháp

Hiến pháp Indonesia bố cục 16 chương, 37 điều khoản. Nội dung của các chương bao gồm: Chương 1: *Hình thức của nhà nước và chủ quyền*; Chương 2: *Hội đồng tư vấn nhân dân*; Chương 3: *Quyền hành pháp của nhà nước*; Chương 4: *Hội đồng tư vấn tối cao*; Chương 5: *Bộ trưởng nhà nước*; Chương 6: *Chính quyền địa phương*; Chương 7: *Hội đồng đại biểu nhân dân*; Chương 7A: *Hội đồng đại diện địa phương*; Chương 7B: *Tổng tuyển cử*; Chương 8: *Các vấn đề tài chính*; Chương 8A: *Hội đồng kiểm toán tối cao*; Chương 9: *Quyền tư pháp*; Chương 9A: *Lãnh thổ quốc gia*; Chương 10: *Công dân và người cư trú*; Chương 11: *Tôn giáo*; Chương 12: *Quốc phòng và an ninh quốc gia*; Chương 13: *Giáo dục và văn hoá*; Chương 14: *Nền kinh tế quốc dân và phúc lợi xã hội*; Chương 15: *Quốc kỳ, ngôn ngữ, quốc huy và quốc ca*; Chương 16: *Sửa đổi Hiến pháp*⁽³⁾. Hiến pháp Indonesia được nhận định là bản Hiến pháp ngắn nhất thế giới.

Căn cứ vào nội dung Hiến pháp năm 1945, mô hình nhà nước của Indonesia là chính thể tổng thống pha trộn chính thể nghị viện. Quyền lực của Tổng thống rất lớn. Điểm đáng lưu ý của bản Hiến pháp Indonesia chưa có sự phân chia quyền lực cân bằng giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước, chưa đảm bảo cho cơ quan lập pháp một vị thế đại diện cho tiếng nói của người dân.

Bản Hiến pháp cũng không đề cập vấn đề bầu cử, vốn là vấn đề đặc biệt quan trọng với bất cứ quốc gia nào trong nền chính trị dân chủ. Đây chính là nguồn gốc dẫn đến việc tổ chức bầu cử của chính quyền sau đó diễn ra khá tùy tiện, xuất hiện nhiều tiêu cực như gian lận, cưỡng ép.

Bản Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam bao gồm lời nói đầu, 7 chương và 70 điều. Ngoài *Lời nói đầu* ghi rõ thành quả của cuộc cách mạng Việt Nam, nhiệm vụ của dân tộc trong giai đoạn mới và những nguyên tắc xây dựng Hiến pháp, Hiến pháp có 7 chương, 70 điều gồm các phần *Chính thể* (Chương I), *Nghĩa vụ và quyền lợi công dân* (Chương II), *Nghị viện nhân dân* (Chương III), *Chính phủ* (Chương IV), *Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính* (Chương V), *Cơ quan tư pháp* (Chương VI), *Sửa đổi Hiến pháp* (Chương VII)⁽⁴⁾.

Xét tổng thể, Hiến pháp Việt Nam năm 1946 ngắn gọn, súc tích. Sự ngắn gọn này đạt được là nhờ vào việc Hiến pháp chỉ tập trung quy định những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hiến pháp. Các điều khoản đưa ra khá đầy đủ. Bản Hiến pháp có quy định quyền hạn lớn cho Chủ tịch nước nhưng xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử khó khăn nghiêm trọng của đất nước sau năm 1945, cần trao cho người đứng đầu quyền lực đủ mạnh để nhanh chóng giải quyết vấn đề cấp bách. Đến năm 1959, bản Hiến pháp thứ hai của Việt Nam ra đời, quyền hạn của Chủ tịch nước đã được sửa đổi, thích ứng với hoàn cảnh lịch sử mới. Trong bản Hiến pháp đầu tiên đã quy định rất rõ quyền công dân đặc biệt quyền bầu cử và ứng cử. Đây thực sự là một bản kế ước xã hội về việc phân chia quyền: quyền của các công dân và quyền của Nhà nước;

quyền giữa các cơ quan Nhà nước với nhau. Có thể thấy từng điều trong bản Hiến pháp đều nhất quán một quan điểm, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, xây dựng một chính thể dân chủ rộng rãi, một bộ máy nhà nước mạnh mẽ và sáng suốt, đề cao và tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Đó vừa là mục đích của cuộc cách mạng giành độc lập, đó cũng là mục tiêu phải hướng tới khi chính thể dân chủ cộng hòa đã được lập nên. Tuy nhiên Hiến pháp chưa bàn đến những vấn đề như văn hoá, xã hội...

4. Về tính thực thi và giá trị kế thừa

Hiến pháp năm 1945 của Indonesia:

Bản Hiến pháp này ra đời trên thực tế là công cụ để thành lập một quốc gia độc lập là Cộng hoà Indonesia. Ngay Tổng thống Sukarno, một trong những nhà soạn thảo Hiến pháp 1945 cũng khẳng định đây là bản Hiến pháp tạm thời và “trong tương lai, chúng tôi sẽ soạn một Hiến pháp toàn diện và trọn vẹn”⁽⁵⁾. Cho nên dù sơ sài nhưng Hiến pháp 1945 dành riêng một chương đề cập đến quy định sửa đổi. Bản thân nhà lãnh đạo coi đây là bản Hiến pháp tạm thời, là công cụ khẩn cấp để khẳng định độc lập, chủ quyền của đất nước, tạo cơ sở pháp lý cho nhà nước mới, trước âm mưu quay trở lại xâm lược của thế lực thực dân cũ. Đây chưa được coi là công cụ xây dựng một nền dân chủ lâu dài.

Sau 4 năm có hiệu lực, Hiến pháp năm 1945 bị đình chỉ hiệu lực tầm 10 năm. Năm 1949, Hiến pháp 1945 bị bãi bỏ và thay thế bằng Hiến pháp Liên Bang. Năm 1950, thực dân Hà Lan tuyên bố chuyển giao chính quyền cho Cộng hoà Indonesia, một bản Hiến pháp mới - Hiến pháp tạm thời năm 1950 ra đời. Năm 1959, các phe phái

chính trị tại Indonesia ko thể đi đến thống nhất về việc xây dựng một bản Hiến pháp mới, Tổng thống Sukarno lúc đó tuyên bố khôi phục lại hiệu lực của Hiến pháp 1945. Bản Hiến pháp được nâng lên thành một văn kiện thiêng liêng, bất khả xâm phạm để không lực lượng nào có thể chỉnh sửa được và đe dọa sự tồn tại của chế độ.

Bản Hiến pháp năm 1945 được khôi phục lại từ năm 1959 đến năm 1998. Tuy được áp dụng trong nhiều thập niên, nhưng những điểm bất cập trong bản Hiến pháp vẫn tồn tại, không được chỉnh sửa. Đây chính là cơ sở tạo ra hạn chế nền chính trị, xã hội Indonesia. Quyền lực quá lớn của tổng thống, của nhánh hành pháp đã cho phép giới quân sự tham gia vào đời sống kinh tế, chính trị, xã hội đất nước; ngăn cản phân quyền, giới hạn quyền tự do của nhân dân Indonesia.

Đến năm 1998, yêu cầu sửa đổi bản Hiến pháp trở nên cấp thiết, trở thành mối quan tâm lớn của lực lượng cải cách dân chủ tại, đặc biệt tầng lớp trí thức. Sửa đổi hiến pháp chính là cơ sở để tiến hành các cải cách chính trị, kinh tế đất nước và là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của cải cách dân chủ. Trước sức ép lớn từ các lực lượng chính trị cũng như dân chúng, chính quyền Indonesia phải tiến hành sửa đổi hiến pháp. Quá trình sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1945 được tiến hành trong vòng 4 năm từ 1999 đến 2002. Qua bốn lần sửa đổi, bản Hiến pháp chỉnh sửa có nhiều điểm tiến bộ, thể hiện định hướng rõ ràng về việc thiết lập một cơ chế chính trị dân chủ và minh bạch.

Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam:

Ngày 9/11/1946 bản Hiến pháp đầu tiên được Quốc hội thông qua. Nhưng ngày 19/12/1946, trước một loạt hành động tấn

công, quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quyết định phát động cuộc kháng chiến trên phạm vi toàn quốc. Do hoàn cảnh chiến tranh, sau khi tuyên bố Hiến pháp trở thành chính thức, Quốc hội ra Nghị quyết trao cho Ban thường trực Quốc hội, cùng với Chính phủ có quyền quyết định ban bố và thi hành Hiến pháp khi có điều kiện. Quốc hội đã ra nghị quyết “trong thời kỳ chưa thi hành được thì Chính phủ phải dựa vào những nguyên tắc đã định trong Hiến pháp để ban hành các Sắc luật”⁽⁶⁾. Với chủ trương như vậy, nên dù bản Hiến pháp năm 1946 không được chính thức công bố, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng và chỉ đạo hoạt động trong thực tiễn theo đúng tinh thần của bản Hiến pháp.

Năm 1954, Việt Nam bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc được giải phóng đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Tình hình chính trị - xã hội thay đổi đã làm cho Hiến pháp 1946 không có điều kiện áp dụng trên phạm vi cả nước. Mặt khác, nhiều quy định của Hiến pháp 1946 cũng không còn phù hợp với điều kiện cách mạng miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ. Vì vậy, việc yêu cầu sửa đổi Hiến pháp 1946 đã được đặt ra. Ngày 01/4/1959, Bản dự thảo Hiến pháp mới đã được công bố để toàn dân thảo luận và đóng góp ý kiến. Đến ngày 31/12/1959, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I đã thông qua bản Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp năm 1946. Những quy định dân chủ, tiến bộ trong bản Hiến pháp năm 1946 vẫn tiếp tục được kế thừa, phát triển trong bản Hiến pháp năm 1959 và cả các bản Hiến pháp năm 1980, 1992 và 2013.

5. Một số nhận xét:

Từ sự ra đời của bản Hiến pháp đầu tiên ở Indonesia năm 1945 và Việt Nam năm 1946, chúng ta thấy có thể thấy:

Thứ nhất, sự ra đời của hai bản Hiến pháp đều là kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đây là điểm mấu chốt chi phối đến rất nhiều vấn đề liên quan đến bản Hiến pháp.

Trước khi bị thực dân Hà Lan và Pháp cai trị, tư tưởng lập hiến không tồn tại ở cả Indonesia và Việt Nam. Trong quá trình bị thực dân phương Tây đô hộ, xã hội của cả hai đã xuất hiện những nhân tố mới. Tư tưởng dân chủ tư sản tràn vào, được tầng lớp trí thức trong xã hội tiếp cận, hình thành tư duy pháp lý là nền tảng của tư tưởng lập hiến ở hai quốc gia. Nhiều tầng lớp cấp tiến, sau trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng đã thoát ra khỏi tư tưởng cũ, mong muốn được thiết lập nền cộng hoà dân chủ ở nước mình. Xung quanh thời điểm giành thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lực lượng lãnh đạo của cả hai quốc gia đều thấy sự cấp thiết phải soạn thảo và ban hành Hiến pháp. Bản Hiến pháp năm 1945 của Indonesia ra đời sau khi tuyên bố độc lập một ngày. Bản Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam bắt đầu được tiến hành soạn thảo ngay sau một ngày tuyên bố độc lập, và được thông qua sau hơn một năm chuẩn bị. Chức năng cơ bản của bản Hiến pháp là khẳng định trước toàn bộ quốc dân và thế giới sự tồn tại của nhà nước độc lập và chế độ. Bản Hiến pháp đầu tiên của hai quốc gia chính là công cụ pháp lý để bảo vệ, giữ vững nền độc lập của Việt Nam và Indonesia. Vì vậy, trước sức ép của tình hình mới, nền độc lập của dân tộc có nguy cơ bị đe dọa, Việt Nam và đặc biệt Indonesia phải nhanh chóng

ban hành Hiến pháp. Trong bối cảnh đó, chúng ta có thể hiểu và lí giải cho những hạn chế trong nội dung hay việc thực thi của hai bản Hiến pháp đầu tiên này.

Thứ hai, Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước, nó thể hiện ý chí và nguyện vọng của đa số nhân dân. Vì vậy Hiến pháp mang tính dân chủ. Tuy nhiên mức độ dân chủ đến đâu vẫn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Thông qua nghiên cứu sự ra đời của hai bản Hiến pháp, chúng ta thấy muốn bản Hiến pháp có giá trị dân chủ thực sự, đòi hỏi phải có người lãnh đạo và đội ngũ soạn thảo có tầm nhìn, tư duy, đạo đức, hướng tới lợi ích của số đông nhân dân. Việc biên soạn phải diễn ra nghiêm túc, cẩn thận và có sự thảo luận rộng rãi. Nếu không đảm bảo được vấn đề này, Hiến pháp dễ tồn tại nhiều bất cập, dễ nảy sinh xu hướng độc tài, độc quyền. Nếu tình huống cấp bách phải thông qua nhanh và ban hành luôn thì ngay sau khi tình hình đất nước ổn định phải rà soát lại và nhanh chóng có sự điều chỉnh để đảm bảo tính dân chủ, tạo cơ sở thực thi dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Đây chính là điều kiện quan trọng để các nhà lãnh đạo đưa đất nước phát triển.

Thứ ba, bản Hiến pháp đầu tiên của Indonesia và Việt Nam dù còn hạn chế và trải qua nhiều sự thay đổi, nhưng cuối cùng nó vẫn ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử lập hiến của hai dân tộc, vẫn có đóng góp lớn cho sự phát triển của hai quốc gia hiện nay. Với Indonesia, cho dù ở thời điểm mới ban hành, Hiến pháp năm 1945 có nhiều bất cập, thậm chí đã có thời điểm nó bị huỷ bỏ, nhưng rồi Hiến pháp năm 1945, cùng với nội dung sửa đổi, bổ sung vẫn là Hiến pháp hiện hành của Indonesia. Với Việt Nam, tuy còn một số hạn chế nhưng Hiến pháp năm 1946 vẫn được đánh giá là bản

Hiến pháp tiến bộ, dân chủ trên nhiều khía cạnh. Những nguyên tắc cơ bản ghi nhận trong Hiến pháp vẫn giữ nguyên giá trị và tiếp tục được kế thừa, phát triển trong các bản Hiến pháp sau của Việt Nam. Ngay năm 2013, khi Quốc hội có quyết định sửa đổi bản Hiến pháp năm 1992, có rất nhiều nhà nghiên cứu có bài viết đề cập và quay trở về nhìn nhận và học tập những giá trị dân chủ của bản Hiến pháp năm 1946.

Kết luận

Dưới ảnh hưởng của tư tưởng lập hiến của nhân loại, đầu thế kỷ XX, các nhà yêu nước tiến bộ của cả Việt Nam và Indonesia đều nhận thức được tầm quan trọng của quyền lập hiến, sự cần thiết phải thiết lập một bản Hiến pháp làm cơ sở cho hoạt động của nhà nước. Năm 1945, Việt Nam, Indonesia giành được độc lập. Các nhà lãnh đạo hai nước nhanh chóng tiến hành soạn thảo và ban hành bản Hiến pháp đầu tiên của đất nước. Những quy định về chế độ xã hội, hình thức nhà nước, vị trí pháp lý của con người, của công dân... đã được đề ra trong Hiến pháp của Indonesia năm 1945 và Hiến pháp Việt Nam năm 1946. Mặt khác, chúng ta thấy công tác soạn thảo, nội dung, tính thực thi của hai bản Hiến pháp chịu sự tác động mạnh mẽ bởi bối cảnh lịch sử rất đặc thù của từng quốc gia. Yêu cầu đặt ra cho quá trình xây dựng Hiến pháp của Indonesia và Việt Nam lúc đó là vừa phải phù hợp với điều kiện của đất nước, vừa phải đảm bảo nguyên tắc, thủ tục lập hiến. Nghiên cứu thực tiễn này có ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, một nhà nước với yêu cầu về sự thượng tôn Hiến pháp, khẳng định vị trí quan trọng hàng đầu của Hiến pháp trong đời sống xã hội./.

CHÚ THÍCH

1. R.M.A.B. Kusuma (2004), *The birth of the 1945 Constitution*, Badan Penerbit Fakultas Hukum Universitas Indonesia, Jakarta, p17-25
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 4 (1945-1946)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 17
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Hiến pháp của Cộng hòa Indonesia năm 1946*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
4. (2020), *Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ* Xuất bản lần thứ ba, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
5. Crouch, Harold (2010), *Political Reform in Indonesia after Soeharto*, Singapore: Institute of Southeast Asian Studies
6. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Quốc Hội, *Hồ sơ số 6, tờ số 28*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Crouch, Harold (2010), *Political Reform in Indonesia after Soeharto*, Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
2. Horowitz, Donald L (2013), *Constitutional Change and Democracy in Indonesia*, Duke University, North Carolina.
3. Indrayana, Denny (2008), *Indonesian Constitutional Reform 1999-2002: An Evaluation of Constitution-making in Transition*, Kompas Book Publishing, Jakarta, Indonesia.
4. R.M.A.B. Kusuma (2004), *The birth of the 1945 Constitution*, Badan Penerbit Fakultas Hukum Universitas Indonesia, Jakarta.
5. Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 4 (1945-1946)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. TS. Hồ Thị Thành (2018), “Sửa đổi Hiến pháp theo hướng dân chủ ở Indonesia giai đoạn 1999-2002”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5, tr 3-12
8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Quốc hội, *Hồ sơ số 6, tờ số 28*
9. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Hiến pháp của Cộng hòa Indonesia năm 1945*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.